

NỘI DUNG HỌC TẬP TUẦN 2

(Từ ngày 13/9 đến 18/9/2021)

MÔN: NGỮ VĂN – KHỐI 8

Giáo viên: Cô Chinh – Cô Hà

Học sinh có thể trao đổi hoặc gửi bài vào địa chỉ mail, zalo, facebook hay sdt cho các cô như sau:

Địa chỉ Mail:

Cô Chinh: tamchinh84@gmail.com SĐT: 0932073155

Cô Hà: vuha1021@gmail.com SĐT: 0908076931

Nhiệm vụ của học sinh:

1. Đọc và ghi nội dung bài học vào vở hoặc có thể in các phiếu học tập ⇒ Đóng, ghim...thành hồ sơ học tập.
2. Làm các bài tập thầy cô giao vào vở hoặc làm bài trực tiếp trên các phiếu học tập và gửi nộp cho thầy cô dạy lớp mình theo thời gian qui định.
3. Tự đọc và nghiên cứu bài học, nghiên cứu các bài khuyến khích tự đọc, tự luyện tập.

✧ Đối với văn bản:

- Đọc kĩ nhiều lần.
- Làm phần Luyện tập vào vở.

✧ Đối với phần tiếng Việt và Tập làm văn:

- Đọc và làm phần luyện tập trong sgk. (chú thích ngay trong sgk)
- Câu hỏi luyện tập thầy cô giao: Thực hiện vào vở hoặc trên phiếu học tập.

Trường THCS Phan Đăng Lưu

Họ và tên học sinh: Lớp:

Nội dung (Phiếu) học tập Tuần 2: Từ ngày 13/9 đến 18/9/2021

CHỦ ĐỀ 1:

VĂN BẢN TỰ SỰ VÀ MỘT SỐ YÊU CẦU KHI VIẾT VĂN BẢN TỰ SỰ

Tập làm văn: TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

Lưu ý: Phần chữ nghiêng các em suy nghĩ, tự trả lời, không cần viết vào tập.

I. Chủ đề của văn bản

1. Ví dụ: Tìm hiểu văn bản “Rừng cọ quê tôi”, sgk/13

Đọc văn bản “Rừng cọ quê tôi”, suy nghĩ và trả lời 2 câu hỏi sau:

- Văn bản viết về đối tượng nào? (rừng cọ quê hương tác giả)
- Văn bản biểu đạt nội dung (vấn đề) gì? (tình cảm của tác giả đối với rừng cọ quê hương và sự gắn bó của cây cọ đối với người dân sông Thao)

➤ **Chủ đề: là đối tượng và vấn đề chính mà văn bản biểu đạt.**

2. Ghi nhớ: ý 1/sgk/12.

II. Tính thống nhất về chủ đề của văn bản

1. Ví dụ: Tìm hiểu văn bản “Tôi đi học”.

Đọc văn bản “Tôi đi học”, suy nghĩ và trả lời các câu hỏi sau:

- Căn cứ vào đâu mà em biết văn bản “Tôi đi học” nói lên kỉ niệm của tác giả về buổi tựu trường đầu tiên?
- Tìm các từ ngữ chứng tỏ kỉ niệm đó in sâu trong lòng nhân vật tôi.
- Tìm các từ ngữ, chi tiết nêu bật tâm trạng (cảm giác) của nhân vật tôi trong ngày đầu tiên đến trường.
- Từ đó em rút ra kết luận gì về tính thống nhất của chủ đề?

➤ **Văn bản có tính thống nhất về chủ đề khi:**

- ✓ **Biểu đạt chủ đề đã xác định, không xa rời hay lạc sang chủ đề khác.**
- ✓ **Nhan đề, từ ngữ, câu... trong văn bản có tác dụng thể hiện và nêu bật chủ đề.**

2. Ghi nhớ: ý 2, 3 /sgk/12.

III. Luyện tập

***Bài tập 1: sgk/13**

a. -Văn bản viết về:

+đối tượng: rừng cọ

+vấn đề: tình cảm của tác giả đối với rừng cọ và sự gắn bó của cây cọ đối với người dân sông Thao.

- Các đoạn văn trình bày theo trình tự không gian: miêu tả cây cọ, sự gắn bó của cây cọ đối với gia đình, ngôi trường và người dân sông Thao.

- Không thể thay đổi trình tự sắp xếp vì đảm bảo tính thống nhất về chủ đề.

b. Chủ đề: Sự gắn bó của rừng cọ và tình cảm tha thiết của tác giả đối với rừng cọ quê hương.

c. Các chi tiết: *hs gạch chân các chi tiết, từ ngữ trong sgk*

- miêu tả rừng cọ: thân cọ, cây non, lá non, căn nhà núp dưới rừng cọ...

- thể hiện cuộc sống của người dân gắn với rừng cọ: cha làm chổi cọ... chị đan nón lá cọ.

d.- Các từ ngữ: rừng cọ, cây cọ, ...chổi cọ...

- Các câu: “Chẳng có...trùng.”, “Cuộc sống...cây cọ.”

***Bài tập 2: sgk/13:** Ý b và d sẽ làm bài viết xa hoặc lạc chủ đề.

***Bài tập 3: sgk/13:** Dựa vào nội dung truyện ngắn “Tôi đi học”, các em lựa chọn và sắp xếp cho hợp lí (có thể bổ sung thêm chi vài chi tiết) rồi viết thành đoạn văn ngắn. (5 câu)

.....
.....
.....

CHỦ ĐỀ 1:

VĂN BẢN TỰ SỰ VÀ MỘT SỐ YÊU CẦU KHI VIẾT VĂN BẢN TỰ SỰ

Tập làm văn: **BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN**

Lưu ý: Phần chữ nghiêng các em suy nghĩ, tự trả lời, không cần viết vào tập.

I. Chủ đề của văn bản

1. Ví dụ: Văn bản “Người thầy đạo cao đức trọng”, sgk/24

Các em đọc văn bản “Người thầy đạo cao đức trọng”, suy nghĩ và trả lời 4 câu hỏi trong sgk/24.

- Văn bản chia làm 3 phần: *Các em chú thích luôn vào sgk.*

✓ Mở bài: đoạn đầu (giới thiệu về thầy giáo Chu Văn An)

✓ Thân bài: 2 đoạn tiếp theo (nói về công lao, tài đức của thầy giáo Chu Văn An)

✓ Kết bài: đoạn cuối (tình cảm của mọi người đối với thầy giáo Chu Văn An)

- Mỗi phần có chức năng nhiệm vụ riêng nhưng gắn bó chặt chẽ với nhau để làm rõ và nêu bật chủ đề.

➤ **Bố cục:**

✓ Là sự sắp xếp, tổ chức các đoạn văn để thể hiện chủ đề

✓ Văn bản thường có bố cục 3 phần: mở, thân, kết.

2. Ghi nhớ: ý 1, 2 /sgk/25.

II. Cách bố trí, sắp xếp nội dung phần thân bài của văn bản

1. Ví dụ: Tìm hiểu 3 văn bản “Tôi đi học”, “Trong lòng mẹ”, “Người thầy đạo cao đức trọng”, nội dung phần thân bài được sắp xếp như sau:

- theo dòng hồi tưởng của nhân vật tôi, (hiện tại nhớ về quá khứ), theo trình tự thời gian (trên đường từ nhà đến trường, đứng trước và trong sân trường, ở trong lớp học)

- theo diễn biến tâm trạng của bé Hồng (khi đối thoại với người cô, khi được gặp mẹ).

- theo suy luận, đánh giá của người viết: (tài, đức của thầy Chu Văn An).

- tả người, vật, phong cảnh...: thường miêu tả theo trình tự không gian hoặc cảm xúc của người viết.

➤ **Nội dung phần thân bài thường được sắp xếp theo:**

✓ **Trình tự thời gian**

✓ **Trình tự không gian**

✓ **Sự phát triển của các sự việc hoặc diễn biến tâm trạng của nhân vật hoặc mạch cảm xúc, suy luận của người viết.**

2. Ghi nhớ: ý 2 /sgk/25.

III. Luyện tập

***Bài tập 1: sgk/26:** Cách trình bày các đoạn văn:

a. Theo thứ tự không gian: xa ⇒ gần ⇒ tận nơi ⇒ xa dần.

b. Theo thứ tự thời gian: về chiều, lúc hoàng hôn.

c. Sắp xếp theo tầm quan trọng của hai luận cứ đối với luận điểm chứng minh.

***Bài tập 2: sgk/27:** Dựa vào nội dung của bài “Trong lòng mẹ”, các em suy nghĩ các ý và sắp xếp cho hợp lí rồi viết thành đoạn văn ngắn. (8 câu).

***Bài tập 3: sgk/27:** Hs tự làm.

.....
.....
.....

V. Các thắc mắc cần giải đáp: ...

Tiếng Việt:

TRƯỜNG TỪ VỰNG

I. Thế nào là trường từ vựng

1. Ví dụ: Đoạn văn trong sgk/21

- Các từ: mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng

⇒ Có chung nét nghĩa: Chỉ bộ phận cơ thể con người.

⇒ Tập hợp thành một trường từ vựng: Bộ phận cơ thể con người.

➤ **Trường từ vựng: là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.**

2. Ghi nhớ: sgk/21

3. Những lưu ý: Các em đọc thêm ví dụ a, b, c, d/ sgk/ 21, 22 để hiểu thêm:
- ✓ Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn (vd a)
 - ✓ Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại. (vd b)
 - ✓ Do hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau. (vd c)
 - ✓ Trong thơ văn, ta thường dùng cách chuyển trường từ vựng để tăng thêm tính nghệ thuật và khả năng diễn đạt: phép nhân hoá, ẩn dụ, so sánh...(vd d)

II. Luyện tập: Các em làm luôn trong sgk

***Bài tập 1, 5: sgk/23:** Hs tự làm

***Bài tập 2: sgk/23:**

- a. dụng cụ đánh bắt
- b. dụng cụ chứa đựng
- c. hoạt động của chân
- d. trạng thái tâm lí
- e. tính cách
- g. dụng cụ để viết

***Bài tập 3: sgk/23:** các từ in đậm thuộc trường thái độ

***Bài tập 4: sgk/23:**

Khứu giác: mũi, thơm, điếc, thính

Thính giác: tai, nghe, điếc, rõ, thính

***Bài tập 6: sgk/23:** Tác giả đã chuyển những từ in đậm từ trường “quân sự” sang trường “nông nghiệp”.

V. Các thắc mắc cần giải đáp:

Tiếng Việt: CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ
(Khuyến khích học sinh tự học, tự làm)

I. Từ ngữ nghĩa rộng, từ ngữ nghĩa hẹp

Các em đọc sơ đồ trong sgk/10, suy nghĩ và tự trả lời các câu a, b, c. Từ đó rút ra khái niệm về từ ngữ nghĩa rộng, từ ngữ nghĩa hẹp (ý 2, 3 trong ghi nhớ/sgk/10)

II. Luyện tập: Thực hiện trong sgk/10,11.

***Dẫn dò:**

- ✓ Đọc trước “Tức nước vỡ bờ”, “Xây dựng đoạn văn trong văn bản”.
- ✓ Cố gắng rèn viết đoạn văn: chú ý dùng từ, chính tả, chấm câu.

***Các thắc mắc cần giải đáp: ...**

Các em nghiên cứu, ghi chép xong. Nếu có thắc mắc gì, các em chú thích lại rồi hỏi trực tiếp thầy cô qua zalo...hoặc các buổi thầy cô dạy online nhé!

Chúc các em học tập vui vẻ. Chăm chỉ học bài và làm bài nhé!